

Số: /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

DỰ THẢO
08.02.2026

**Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh
của Thành phố Hà Nội**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 143/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo về hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia Đề án tuyển chọn và đào tạo 1.000 Tiến sĩ đảm bảo nhân lực

cho quản lý, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BPC của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh của thành phố Hà Nội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh của Thành phố Hà Nội, bao gồm điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình xem xét lựa chọn, chính sách hỗ trợ, nghĩa vụ và trách nhiệm của nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ trên cả nước.
2. Các cơ sở đào tạo được cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ.
3. Các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan.
2. Luận án nghiên cứu sinh gắn với các bài toán điểm nghẽn, bài toán lớn cụ thể; các chương trình nghiên cứu được công bố theo các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.
3. Kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh được chuyển hóa thành: luận cứ khoa học cho chính sách, mô hình quản trị, giải pháp công nghệ, quy trình mới hoặc sản phẩm ứng dụng phục vụ Thành phố.
4. Ưu tiên các cơ sở đào tạo có liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo thuộc Top 200 các Bảng xếp hạng Đại học uy tín.
5. Nghiên cứu sinh chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất, không trùng lặp với chính sách khác.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Bảng xếp hạng Đại học uy tín bao gồm: Times Higher Education (THE) World University Rankings; QS World University Rankings; Academic Ranking of World Universities (ARWU); U.S. News & World Report Best Global Universities; Center for World University Rankings (CWUR).

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH

Điều 5. Nghiên cứu sinh được tuyển chọn theo quy định tại Nghị quyết này hưởng các khoản hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh chương trình đào tạo tiến sĩ như sau:

a) Học bổng đào tạo: 15 triệu đồng/tháng;

b) Hỗ trợ chi phí xuất bản phẩm, chi phí tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước theo thực tế, tối đa không quá 50 triệu đồng/năm.

2. Nghiên cứu sinh có kết quả nghiên cứu được công bố trong quá trình đào tạo tiến sĩ liên quan trực tiếp đến chương trình nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo của Thành phố, bài toán lớn, dữ liệu, mô hình, chính sách hoặc không gian phát triển của Thành phố Hà Nội được hưởng các khoản hỗ trợ thêm như sau:

a) Hỗ trợ 100% phí công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học và công nghệ uy tín quốc tế thuộc danh mục cơ sở dữ liệu các tạp chí khoa học của Web of Science theo mức thông báo của tạp chí khoa học và công nghệ quốc tế với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ.

b) Nghiên cứu sinh có kết quả học tập đáp ứng các quy định của cơ sở đào tạo, được mời đi tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế uy tín hoặc đi thực tập ngắn hạn (không quá 180 ngày) ở nước ngoài tại các cơ sở đào tạo nằm trong Top 200 Bảng xếp hạng Đại học uy tín được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí, áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/năm. Trong trường hợp người học được các tổ chức khác hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế hoặc thực tập ngắn hạn thì ngân sách nhà nước sẽ không hỗ trợ các chi phí người học đã được tài trợ.

c) Hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài tại các cơ sở đào tạo nằm trong Top 200 Bảng xếp hạng Đại học uy tín (không quá 9 tháng):

Áp dụng các mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030.

Trong thời gian hưởng chi phí hỗ trợ sinh hoạt phí tại nước ngoài thì không hưởng học bổng đào tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Nghiên cứu sinh được cấp bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam được hỗ trợ 15 lần mức lương tối thiểu vùng I.

đ) Nghiên cứu sinh được cấp bằng độc quyền sáng chế tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc hoặc Châu Âu được hỗ trợ 30 lần mức lương tối thiểu vùng I.

3. Thời gian được hưởng kinh phí hỗ trợ quy định tại Điều này là tổng thời gian chương trình đào tạo tiến sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá 04 (bốn) năm. Trường hợp phải kéo dài thời gian đào tạo, nghiên cứu sinh tự đảm bảo các chi phí để tiếp tục chương trình đào tạo.

4. Nghiên cứu sinh được nhận thêm hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình học tập, nghiên cứu trong trường hợp khoản hỗ trợ tài chính này không phải là học bổng toàn phần, đồng thời không có mâu thuẫn giữa quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Nghị quyết này với quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ tài chính theo quy định của các tổ chức, cá nhân này.

5. Trường hợp nghiên cứu sinh hoàn thành sớm chương trình đào tạo tiến sĩ từ 06 tháng trở lên thì được cấp một lần toàn bộ phần học bổng đào tạo của số tháng còn lại chưa nhận nhân với 1,5 lần.

Điều 6. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn

1. Nghiên cứu sinh được tham gia tuyển chọn để nhận kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam, tuổi không quá 47 tính đến năm tham gia tuyển chọn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đủ sức khỏe để đi học; không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật khi tham gia tuyển chọn đi học toàn thời gian ở nước ngoài;

b) Nghiên cứu sinh đáp ứng điều kiện tuyển sinh của chương trình đào tạo; Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; được cơ sở đào tạo dự kiến tiếp nhận học chính thức trong năm đăng ký tuyển chọn hoặc năm kế tiếp liền kề; hoặc đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn;

c) Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ ngân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho việc học tập, nghiên cứu ở trình độ dự tuyển tính đến thời điểm được tuyển chọn.

d) Nội dung nghiên cứu gắn với các bài toán điểm nghẽn, bài toán lớn cụ thể; các chương trình nghiên cứu được công bố theo các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

đ) Có văn bản của một đơn vị của Thành phố hoặc doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố cam kết tiếp nhận, sử dụng kết quả nghiên cứu hoặc có thư cam kết đồng hướng dẫn của một giáo sư là giảng viên cơ hữu tại cơ sở đào tạo quốc tế thuộc Top 200 Bảng xếp hạng Đại học uy tín.

2. Cơ sở đào tạo có danh sách nghiên cứu sinh tham gia tuyển chọn để nhận kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết này phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đối với cơ sở đào tạo trong nước: ngành đào tạo có tên trong những bảng xếp hạng ngành hoặc lĩnh vực đào tạo có uy tín của thế giới được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận ít nhất 01 lần trong 05 năm cuối tính đến thời điểm được xét chọn; hoặc ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ đã tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ 05 năm trở lên, có ít nhất 05 nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp và được cấp bằng trong vòng 05 năm gần nhất; ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ có ít nhất 05 khóa đào tạo đã tốt nghiệp và được cấp bằng;

b) Đối với cơ sở đào tạo ở nước ngoài: ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ, trừ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật, nhóm ngành thể dục và thể thao, nằm trong nhóm 500 tốt nhất của những bảng xếp hạng ngành hoặc lĩnh vực đào tạo có uy tín của thế giới (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) ít nhất 01 lần trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh sách các cơ sở đào tạo trong phạm vi Đề án.

c) Cơ sở đào tạo thực hiện liên kết đào tạo ở trình độ tiến sĩ phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều này đối với cơ sở đào tạo ở trong nước, yêu cầu tại điểm b khoản 1 Điều này đối với cơ sở đào tạo nước ngoài và những quy định hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

d) Cơ sở đào tạo có chính sách miễn học phí đào tạo tiến sĩ đối với các nghiên cứu sinh thuộc diện được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Tiêu chuẩn đầu ra cần đạt đối với nghiên cứu sinh:

a) Tiêu chuẩn về công bố khoa học

Đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ: Có ít nhất 02 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục Q1 hoặc Q2 (theo xếp hạng Scopus/Web of Science). Trong đó, ít nhất 01 bài nghiên cứu sinh phải là tác giả chính (First Author hoặc Corresponding Author).

Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Yêu cầu có ít nhất 01 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục Q1 hoặc Q2 (theo xếp hạng Scopus/Web of Science) hoặc xuất bản 01 chương sách tại các nhà xuất bản quốc tế uy tín.

Báo cáo ít nhất 02 lần/năm tại hội thảo chuyên đề chia sẻ kết quả nghiên cứu tại đơn vị công tác; hoặc tại hội nghị, hội thảo do Thành phố tổ chức để chuyển giao tri thức; hoặc tại hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

b) Tiêu chuẩn về tính ứng dụng thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh được chuyển hóa thành luận cứ khoa học cho chính sách, mô hình quản trị, giải pháp công nghệ, quy trình mới hoặc sản phẩm ứng dụng phục vụ Thành phố.

Có văn bản đánh giá hoặc xác nhận về tính khả thi/triển vọng ứng dụng của đơn vị, cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố hoặc các doanh nghiệp/tổ chức liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu.

c) Tiêu chuẩn về Trình độ Ngoại ngữ

Chứng chỉ đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm bảo vệ luận án.

d) Tiêu chuẩn về Thời gian hoàn thành

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng Tiến sĩ trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo (không quá 4 năm). Trường hợp gia hạn không được quá 12 tháng, nghiên cứu sinh không được nhận hỗ trợ tài chính trong thời gian gia hạn.

Điều 7. Quy trình xét chọn nghiên cứu sinh được hỗ trợ

1. Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu và ngân sách hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh được cấp có thẩm quyền giao, Sở Khoa học và Công nghệ đăng tải công khai thông báo về đợt xét tuyển hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh trên Trang Thông tin điện tử của Sở.

2. Các cơ sở đào tạo tổ chức tổ chức tuyển chọn và lập danh sách các nghiên cứu sinh đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này, gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh về Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội (trực tiếp hoặc trực tuyến). Hồ sơ đề xuất bao gồm:

a) Công văn đề nghị hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh;

b) Danh sách nghiên cứu sinh đáp ứng yêu cầu;

c) Hồ sơ của từng nghiên cứu sinh, bao gồm:

c1) Lý lịch khoa học;

c2) Văn bản cam kết của nghiên cứu sinh về việc đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này;

c3) Bản thuyết minh định hướng nội dung nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c4) Văn bản của một đơn vị của Thành phố hoặc doanh nghiệp trong lĩnh vực phù hợp với định hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh trên địa bàn Thành phố cam kết tiếp nhận, sử dụng kết quả nghiên cứu hoặc thư cam kết đồng hướng dẫn của một giáo sư là giảng viên cơ hữu tại cơ sở đào tạo quốc tế thuộc Top 200 Bảng xếp hạng Đại học uy tín;

d) Hồ sơ minh chứng khác theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá hồ sơ xét hỗ trợ nghiên cứu sinh theo trình tự sau:

Phương án 1: Cơ chế chuyên gia độc lập kết hợp Hội đồng

a) Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của 02 chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp về hồ sơ của từng nghiên cứu sinh. Chuyên gia đánh giá và chấm

điểm vào phiếu đánh giá. Các hồ sơ được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm bình quân đánh giá đạt từ 7 trở lên (trên thang 10 điểm). Nếu điểm chấm của 2 chuyên gia chênh lệch quá 2 điểm dẫn đến hồ sơ không đạt, Sở Khoa học và Công nghệ lấy thêm ý kiến của chuyên gia độc lập thứ 3 và tính kết quả chấm điểm bình quân của 3 chuyên gia.

b) Trường hợp số lượng hồ sơ đạt yêu cầu không vượt quá chỉ tiêu hỗ trợ đào tạo còn lại của năm, tất cả hồ sơ sẽ được chấp thuận hỗ trợ;

c) Trường hợp số lượng hồ sơ đạt yêu cầu vượt quá chỉ tiêu hỗ trợ đào tạo còn lại của năm, Sở Khoa học và Công nghệ xét theo thứ tự từ trên xuống dưới căn cứ theo điểm đánh giá bình quân cho đến khi hết chỉ tiêu;

d) Trường hợp có nhiều hồ sơ bằng điểm nhau dẫn đến vượt quá chỉ tiêu đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng xét hỗ trợ đào tạo tiến sĩ theo quy định tại khoản 3 Điều này để đánh giá, lựa chọn các hồ sơ này;

đ) Trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ tại bước 2, Sở Khoa học và Công nghệ gửi văn bản thông báo chấp thuận hỗ trợ kèm theo danh sách nghiên cứu sinh được hỗ trợ tới cơ sở đào tạo;

e) Sở Khoa học và Công nghệ, cơ sở đào tạo và nghiên cứu sinh ký kết hợp đồng 3 bên hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh để làm cơ sở thanh toán kinh phí và xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên trong quá trình đào tạo tiến sĩ.

Phương án 2: Cơ chế Hội đồng

a) Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng xét hỗ trợ đào tạo tiến sĩ theo quy định tại khoản 3 Điều này để đánh giá, lựa chọn các hồ sơ. Các hồ sơ được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm bình quân đánh giá của Hội đồng đạt từ 7 trở lên (trên thang 10 điểm).

b) Trường hợp số lượng hồ sơ đạt yêu cầu không vượt quá chỉ tiêu hỗ trợ đào tạo còn lại của năm, tất cả hồ sơ đạt yêu cầu sẽ được chấp thuận hỗ trợ;

c) Trường hợp số lượng hồ sơ đạt yêu cầu vượt quá chỉ tiêu hỗ trợ đào tạo còn lại của năm, Hội đồng xét theo thứ tự từ trên xuống dưới căn cứ theo điểm đánh giá bình quân cho đến khi hết chỉ tiêu;

d) Trường hợp có nhiều hồ sơ bằng điểm nhau dẫn đến vượt quá chỉ tiêu đào tạo, Hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín lựa chọn hồ sơ được chọn trong số các hồ sơ bằng điểm, lấy kết quả theo thứ tự từ trên xuống dưới;

đ) Trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ tại bước 2, Sở Khoa học và Công nghệ ra Quyết định phê duyệt danh sách nghiên cứu sinh đủ điều kiện hỗ trợ, gửi cơ sở đào tạo;

e) Sở Khoa học và Công nghệ, cơ sở đào tạo và nghiên cứu sinh ký kết hợp đồng 3 bên hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh để làm cơ sở thanh toán kinh phí và xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên trong quá trình đào tạo tiến sĩ.

3. Quy định về Hội đồng xét hỗ trợ đào tạo tiến sĩ

a) Hội đồng có từ 05 - 07 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký; có các ủy viên là đại diện từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; các chuyên gia, nhà khoa học hoặc đại diện doanh nghiệp thuộc lĩnh vực phù hợp với nội dung nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

b) Buổi họp hội đồng phải có 2/3 số thành viên có mặt. Hội đồng thảo luận tập thể, chấm điểm độc lập. Kết quả đánh giá của Hội đồng là bình quân điểm đánh giá của từng thành viên dự họp hoặc thành viên vắng mặt nhưng có gửi phiếu đánh giá.

4. Sở Khoa học và Công nghệ ban hành các mẫu biểu sử dụng trong quy trình xét chọn nghiên cứu sinh được hỗ trợ, cụ thể hóa các tiêu chuẩn xét chọn quy định tại Nghị quyết này thành bảng tiêu chí chấm điểm

5. Sau đợt xét chọn đầu tiên trong năm, nếu vẫn còn chỉ tiêu hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc tổ chức các đợt xét chọn tiếp theo hoặc dừng xét chọn, chuyển chỉ tiêu còn thừa sang năm tiếp theo.

Điều 8. Định mức chi thù lao chuyên gia độc lập, Hội đồng xét hỗ trợ đào tạo tiến sĩ

1. Thù lao chuyên gia độc lập là 1.000.000 đồng/phiếu đánh giá.

2. Chi thù lao Hội đồng xét hỗ trợ đào tạo tiến sĩ

a) Chi họp Hội đồng: Chi phí một buổi họp được áp dụng mức chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Thù lao 01 phiếu nhận xét đánh giá được áp dụng mức chi nhận xét đánh giá của chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Chương III

KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết bao gồm chi phí hỗ trợ nghiên cứu sinh và chi phí tổ chức đánh giá, xét chọn được bố trí từ nguồn ngân sách Thành phố, giao cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Quy trình cấp kinh phí học bổng

1. Trên cơ sở Quyết định của Sở Khoa học và công nghệ phê duyệt danh sách nghiên cứu sinh đủ điều kiện hỗ trợ và họp đồng ký kết theo quy định tại Điều 7

Nghị quyết này, Sở Khoa học và Công nghệ cấp tạm ứng phân kinh phí hỗ trợ tương ứng với 06 tháng học bổng về tài khoản tiền gửi của cơ sở đào tạo mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Hàng tháng, cơ sở đào tạo cấp học bổng cho nghiên cứu sinh theo quy trình cấp học bổng của nhà trường.

3. Định kỳ 6 tháng, cơ sở đào tạo làm thủ tục thanh quyết toán kinh phí tạm ứng với Sở Khoa học và Công nghệ để làm cơ sở cấp tạm ứng 6 tháng tiếp theo. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí học bổng bao gồm:

a) Quyết định công nhận trúng tuyển chương trình đào tạo tiến sĩ của các nghiên cứu sinh;

b) Bảng kê thanh toán kinh phí học bổng cho nghiên cứu sinh bao gồm họ tên nghiên cứu sinh, số căn cước, số điện thoại di động, tổng số tháng của chương trình đào tạo, số tháng đã học, số tiền hỗ trợ đã cấp;

c) Ủy nhiệm chi chuyển kinh phí học bổng cho nghiên cứu sinh.

Điều 11. Quy trình cấp kinh phí hỗ trợ khác (trừ hỗ trợ tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, đi thực tập, trao đổi nghiên cứu tại nước ngoài)

1. Định kỳ 6 tháng, cơ sở đào tạo tổng hợp danh sách nghiên cứu sinh gửi đủ điều kiện cấp kinh phí hỗ trợ khác trong 6 tháng, có văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo;

b) Danh sách nghiên cứu sinh đủ điều kiện cấp kinh phí hỗ trợ, trong đó kinh phí đề nghị cấp chia theo từng khoản hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

c) Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trong 6 tháng của nghiên cứu sinh, có ý kiến xác nhận và cam kết của người hướng dẫn và của đại diện cơ sở đào tạo về việc nghiên cứu sinh có khả năng tiếp tục nghiên cứu và hoàn thành chương trình đào tạo.

d) Bản sao hóa đơn, chứng từ đối với các khoản chi theo thực tế, tài liệu chứng minh các kết quả đối với các khoản hỗ trợ theo kết quả nghiên cứu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ rà soát hồ sơ, cấp thanh toán kinh phí khác về tài khoản tiền gửi của cơ sở đào tạo mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Cơ sở đào tạo cấp kinh phí hỗ trợ khác cho nghiên cứu sinh và gửi bản sao ủy nhiệm chi chuyển tiền về Sở Khoa học và Công nghệ để lưu hồ sơ.

Điều 12. Quy trình cấp kinh phí hỗ trợ tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, đi thực tập, trao đổi nghiên cứu tại nước ngoài

1. Nghiên cứu sinh lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ gửi cơ sở đào tạo, bao gồm:

a) Đề nghị tạm ứng kinh phí;

b) Dự toán các kinh phí đề nghị hỗ trợ lập theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

c) Thư mời của đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có xác nhận nội dung nghiên cứu sinh sẽ báo cáo tại hội nghị, hội thảo; hoặc thư mời nhập học của cơ sở đào tạo nước ngoài; các thông báo về chi phí nghiên cứu sinh phải chi trả, chi phí nghiên cứu sinh được đơn vị tổ chức/cơ sở đào tạo nước ngoài hỗ trợ.

2. Cơ sở đào tạo rà soát hồ sơ, lập danh sách đề nghị tạm ứng kinh phí tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, đi thực tập, trao đổi nghiên cứu tại nước ngoài của nghiên cứu sinh, kèm theo bản sao các hồ sơ liên quan gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ rà soát hồ sơ, cấp tạm ứng toàn bộ kinh phí hỗ trợ về tài khoản tiền gửi của cơ sở đào tạo mở tại Kho bạc Nhà nước.

4. Hàng tháng, cơ sở đào tạo cấp học bổng cho nghiên cứu sinh theo quy trình cấp học bổng của nhà trường.

5. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế, đi thực tập, trao đổi nghiên cứu tại nước ngoài về nước, nghiên cứu sinh có trách nhiệm tập hợp toàn bộ hóa đơn, chứng từ thanh toán các khoản chi thanh toán theo thực tế, báo cáo kết quả tham dự hội nghị, báo cáo kết quả trao đổi, học tập có xác nhận của cơ sở đào tạo nước ngoài gửi cơ sở đào tạo để thanh quyết toán kinh phí.

6. Cơ sở đào tạo kiểm tra hồ sơ chứng từ, cấp nốt phần kinh phí hỗ trợ còn lại (nếu chưa cấp đủ) cho nghiên cứu sinh.

7. Định kỳ 6 tháng, cơ sở đào tạo làm thủ tục thanh quyết toán kinh phí tạm ứng hỗ trợ tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, đi thực tập, trao đổi nghiên cứu tại nước ngoài với Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí bao gồm:

a) báo cáo kết quả tham dự hội nghị; báo cáo kết quả trao đổi, học tập có xác nhận của cơ sở đào tạo nước ngoài;

b) Hóa đơn, chứng từ thanh toán các khoản chi thanh toán theo thực tế của nghiên cứu sinh;

c) Bảng kê thanh toán kinh phí hỗ trợ đã cấp cho nghiên cứu sinh;

d) Ủy nhiệm chi chuyển kinh phí hỗ trợ cho nghiên cứu sinh.

Điều 13. Chấm dứt hỗ trợ và đền bù kinh phí

1. Các trường hợp phải chấm dứt hỗ trợ, không phải đền bù kinh phí hỗ trợ

a) Nghiên cứu sinh không thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo vì lý do sức khỏe (tai nạn, ốm, tử vong có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);

b) Nghiên cứu sinh được cơ sở đào tạo đánh giá không có khả năng hoàn

thành chương trình đào tạo tiến sĩ trong đợt đánh giá định kỳ;

c) Nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ trong thời gian quy định;

d) Nghiên cứu sinh thay đổi định hướng nghiên cứu không còn liên quan trực tiếp đến bài toán lớn, dữ liệu, mô hình, chính sách hoặc không gian phát triển của Thành phố Hà Nội

2. Các trường hợp phải chấm dứt hỗ trợ và phải đền bù kinh phí hỗ trợ

a) Nghiên cứu sinh vi phạm pháp luật khi đang trong thời gian đào tạo dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù giam;

b) Nghiên cứu sinh tự ý bỏ học hoặc bị cơ sở đào tạo buộc thôi học do vi phạm quy định của cơ sở đào tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu;

c) Nghiên cứu sinh bị cơ sở đào tạo thu hồi bằng tiến sĩ do vi phạm liên chính học thuật và các lý do khác.

3. Các kinh phí phải đền bù bao gồm toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã nhận theo quy định. Các trường hợp chấm dứt hỗ trợ không do vi phạm liên chính học thuật thì không phải đền bù phần kinh phí hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ và kinh phí hỗ trợ đối người được cấp bằng sáng chế.

4. Việc bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2026/NĐ-CP. Đối với công chức được cử đi đào tạo bằng ngân sách nhà nước, việc bồi hoàn kinh phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Chịu trách nhiệm pháp lý về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định pháp luật liên quan.

2. Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu định kỳ 06 tháng hoặc khi kết thúc kỳ học, năm học trong thời gian đào tạo và khi tốt nghiệp chương trình đào tạo.

3. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn và được cấp bằng tiến sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo.

4. Trong thời gian học tập, nghiên cứu hoặc chậm nhất trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh phải công bố kết quả nghiên cứu liên quan trực

tiếp tới đề tài luận án, được minh chứng bằng ít nhất 02 công bố khoa học đối với nghiên cứu sinh có thời gian học ở nước ngoài, hoặc ít nhất 01 công bố khoa học đối với nghiên cứu sinh học ở các hình thức còn lại trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây viết tắt là WoS/Scopus) với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ.

5. Đối tượng hưởng chính sách tại Nghị quyết này được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố nhưng không được trùng lặp nội dung hỗ trợ. Trường hợp trùng lặp, đối tượng chỉ được lựa chọn một chính sách tại cùng thời điểm.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh

1. Tổ chức tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý và hỗ trợ nghiên cứu sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu trong quá trình đào tạo; phân công những giảng viên có kinh nghiệm và uy tín khoa học để giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh.

2. Lập và nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Định kỳ 6 tháng, thực hiện đánh giá kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh, đánh giá khả năng hoàn thành chương trình đào tạo của nghiên cứu sinh; đề xuất các trường hợp chấm dứt hỗ trợ, bồi hoàn kinh phí theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Thu hồi kinh phí hỗ trợ nộp về ngân sách Thành phố trong trường hợp nghiên cứu sinh phải đền bù.

5. Các cơ sở đào tạo có quá 10% số lượng nghiên cứu sinh của cơ sở thuộc diện chấm dứt hỗ trợ hoặc chưa thu hồi đủ kinh phí đền bù sẽ không được xét hồ sơ trong các đợt xét chọn hỗ trợ nghiên cứu sinh trong vòng 2 năm kể từ khi ngày ban hành Quyết định chấm dứt hỗ trợ gần nhất đối với nghiên cứu sinh thuộc cơ sở đào tạo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phê duyệt Đề án tuyển chọn và đào tạo 1000 tiến sĩ đảm bảo nhân lực cho quản lý, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030;

c) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Đề án, bố trí kinh phí để thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định;

d) Báo cáo sơ kết kết quả tổ chức thực hiện trình Hội đồng nhân dân Thành phố để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác của đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXL VPHC, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: ĐDBQH&HĐND TP; UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các phường, xã;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà